

THÔNG BÁO CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVPTR ngày tháng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: UBND xã Măng Cành, huyện Kon Plông.
2. Địa chỉ: xã Măng Cành, huyện Kon Plông.
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	2	3	4	5	6=5*4	7	8=6-7
	Tổng cộng	2.651,84	2.386,66		2.157.306.630	1.299.604.943	857.701.687
1	Nhà máy thủy điện IaLy	1.885,88	1.697,29	364.177	618.115.455	372.365.193	245.750.262
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	1.885,88	1.697,29	124.638	211.547.691	127.440.588	84.107.103
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	1.885,88	1.697,29	67.089	113.869.052	68.597.009	45.272.043
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	1.885,88	1.697,29	131.123	222.554.504	134.071.313	88.483.191
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	1.885,88	1.697,29	44.972	76.330.969	45.983.312	30.347.657
6	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	1.885,88	1.697,29	15.489	26.289.285	15.837.195	10.452.091
7	Nhà máy thủy điện Đăk Ne	1.885,88	1.697,29	84.428	143.299.644	86.326.591	56.973.053

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5*4</i>	<i>7</i>	<i>8=6-7</i>
8	Nhà máy thủy điện Đăk Lô	765,96	689,36	852.564	587.726.753	354.058.427	233.668.325
9	Nhà máy thủy điện Đăk Lô 2	765,96	689,36	20.168	13.903.430	8.375.706	5.527.724
10	Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1	765,96	689,36	208.409	143.669.847	86.549.608	57.120.238